



# DỰ THẢO

## ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BÌNH DƯƠNG

Bình Dương, ngày      tháng      năm 2015

## MỤC LỤC



PHẦN MỞ ĐẦU .....	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	6
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu .....	7
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần .....	7
Điều 9. Thu hồi cổ phần .....	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....	8
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	8
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	8
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông .....	9
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền.....	13
Điều 16. Thay đổi các quyền .....	14
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	15
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông .....	16
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	18
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	18
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	20
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	21
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị .....	22
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	25
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	25
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY .....	28
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý.....	28
Điều 29. Cán bộ quản lý .....	29
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành.....	29
Điều 31. Thư ký Công ty .....	30
IX. BAN KIỂM SOÁT .....	31
Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát.....	31

## **PH N M U**

i u l này c thông qua theo quy t nh h p l c a i h i ng c ông t ch c chính th c vào ngày ... tháng ... n m ...

### **I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L**

#### **i u 1. Gi i thích thu t ng**

1. Trong i u l này, nh ng thu t ng đ i ây c hi u nh sau:
  - a. "V n i u l " là s v n do t t c các c ông óng góp và quy nh t i i u 5 i u l này;
  - b. "Lu t Doanh nghi p" có ngh a là Lu t Doanh nghi p s 60/2005/QH11 c Qu c h i thông qua ngày 29 tháng 11 n m 2005;
  - c. "Ngày thành l p" là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p (Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh) l n u;
  - d. "Cán b qu n lý" là Giám c (T ng giám c) i u hành, Phó giám c (Phó t ng giám c), K toán tr ng, và các v trí qu n lý khác trong Công ty c H i ng qu n tr phê chu n;
  - e. "Ng i có liên quan" là cá nhân ho c t ch c c quy nh t i Kho n 17 i u 4 Lu t Doanh nghi p;
  - f. "Th i h n ho t ng" là th i gian ho t ng c a Công ty c quy nh t i i u 2 i u l này và th i gian gia h n (n u có) c i h i ng c ông c a Công ty thông qua b ng ngh quy t;
  - g. "Vi t Nam" là n c C ng hoà Xã h i Ch ngh a Vi t Nam;
2. Trong i u l này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th .
3. Các tiêu (ch ng, i u c a i u l này) c s d ng nh m thu n t i n cho vì c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i u l này.

### **II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H NH O T NG C A CÔNG TY**

**i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty**

1. Tên Công ty:
  - Tên ti ng Vi t: CÔNG TY C PH N CAO SU BÌNH D NG
  - Tên ti ng Anh: BINH DUONG RUBBER JOINT STOCK COMPANY

– Tên viết tắt: BDR

2. Công ty là công ty có thể cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

– Địa chỉ: Ngõ T 750, Phố Ông Thanh, xã Cây Tròn II, huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương

– Điện thoại: 0650.3586039-3586038-3586338

– Fax: 0650.3586082

– E-mail: [caosubinhduong@gmail.com](mailto:caosubinhduong@gmail.com)

– Website: binhduongrubber.com.vn

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành) là người đi n theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại các bàn kinh doanh thể hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trước khi chấm dứt hoạt động thể hiện theo Khoản 2 Điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 Điều lệ này, thể hiện hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

### **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 3. Lĩnh vực hoạt động của Công ty**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

- Trồng và khai thác các loại cây công nghiệp và lâm nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ nông nghiệp (trồng cây bảo vệ thực vật);
- Xuất khẩu các sản phẩm cao su;
- Chế biến các sản phẩm cao su;
- Đầu tư, kinh doanh các thiết bị công nghiệp, dịch vụ, đầu tư kinh doanh bất động sản.

#### **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành thực hiện các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thể hiện các biện pháp thích hợp thực hiện các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác có pháp luật cho phép và các lĩnh vực công nghệ thông qua.

#### IV. V N I U L , C P H N , C Ô N G S Á N G L P

##### **i u 5. V n i u l , c p h n , c ô n g s á n g l p**

1. V n i u l c a C ô n g t y l à **130.000.000.000** ng (b ng ch : M t tr m b a o m i t ng ch n)

T ng s v n i u l c a C ô n g t y c chia thành 13.000.000 c p h n v i m nh giá là 10.000 ng/01 c phi u.

***T ng c ô n g t y u t và Ph át t r i n C ô n g n g h i p B e c a m e x I D C có th bán t i p p h n v n N h à n c t i C ô n g t y c p h n c a o s u B i n h D ng s a u k h i c ô n g t y c p h n c a o s u B i n h D ng ch í n h t h c h o t ng t h e o L u t D o a n h n g h i p t h e o p h ng á n c p h n h ó a ã c c p t h m q u y n p h ê d u y t i u c h n h và s t h c h i n t h e o ú n g q u y n h h i n h à n h.***

2. C ô n g t y có th t ng v n i u l k h i c i h i ng c ô n g t h o n g q u a và p h ù h p v i c á c q u y n h c a p h á p l u t .

3. C á c c p h n c a C ô n g t y v à o n g à y t h o n g q u a i u l n à y b a o g m c p h n p h t h o n g , c p h n c h i p h i , c p h n c b i t và c p h n u ã i . C á c q u y n và n g h a v k è m t h e o t ng l o i c p h n c q u y n h t i i u 11 i u l n à y .

4. C ô n g t y có th p h á t h à n h c á c l o i c p h n u ã i k h á c s a u k h i có s c h p t h u n c a i h i ng c ô n g và p h ù h p v i c á c q u y n h c a p h á p l u t .

5. T ê n , a c h , s l ng c p h n và c á c c h i t i t k h á c v c ô n g s á n g l p t h e o q u y n h c a L u t D o a n h n g h i p c n ê u t i p h l c í n h k è m . P h l c n à y l à m t p h n c a i u l n à y .

6. C p h n p h t h o n g p h i c u t i ê n c h à o b á n c h o c á c c ô n g h i n h u t h e o t l t ng ng v i t l s h u c p h n p h t h o n g c a h t r o n g C ô n g t y , t r t r n g h p i h i ng c ô n g q u y t n h k h á c . S c p h n c ô n g k h o n g ng k ý m u a h t s d o H i ng q u n t r c a C ô n g t y q u y t n h . H i ng q u n t r có th p h â n p h i s c p h n ó c h o c á c i t ng t h e o c á c i u k i n và c á c t h c m à H i ng q u n t r t h y l à p h ù h p , n h ng k h o n g c b á n s c p h n ó t h e o c á c i u k i n t h u n l i h n s o v i n h ng i u k i n ã c h à o b á n c h o c á c c ô n g h i n h u t r t r n g h p c p h n c b á n q u a S g i a o d c h c h ng k h o á n t h e o p h ng t h c u g i á .

7. C ô n g t y có th m u a c p h n d o c h í n h c ô n g t y ã p h á t h à n h t h e o n h ng c á c h t h c c q u y n h t r o n g i u l n à y và p h á p l u t h i n h à n h . C p h n d o C ô n g t y m u a l i l à c p h i u q u và H i ng q u n t r có th c h à o b á n t h e o n h ng c á c h t h c p h ù h p v i q u y n h c a i u l n à y , L u t C h ng k h o á n và v n b n h ng d n l i ê n q u a n .

8. C ô n g t y có th p h á t h à n h c á c l o i c h ng k h o á n k h á c k h i c i h i ng c ô n g t h o n g q u a và p h ù h p v i q u y n h c a p h á p l u t .

## **i u 6. Ch ng nh n c phi u**

1. Công c a Công ty c c p ch ng nh n c phi u t ng ng v i s c ph n và lo i c ph n s h u.

2. Ch ng nh n c phi u phi có d u c a Công ty và ch ký c a i di n theo pháp lu t c a Công ty theo các quy nh t i Lu t Doanh nghi p. Ch ng nh n c phi u phi ghi rõ s l ng và lo i c phi u mà c ông n m gi , h và tên ng i n m gi và các thông tin khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p.

3. Trong th i h n ... k t ngày n p y h s ngh chuy n quy n s h u c ph n theo quy nh c a Công ty ho c trong th i h n ... (ho c th i h n khác theo i u kho n phát hành quy nh) k t ngày thanh toán y ti n mua c ph n theo nh quy nh t i ph ng án phát hành c phi u c a Công ty, ng i s h u s c ph n c c p ch ng nh n c phi u. Ng i s h u c ph n không phi i tr cho Công ty chi phí in ch ng nh n c phi u.

4. Tr ng h p ch ng nh n c phi u b h ng ho c b t y xoá ho c b ánh m t, m t c p ho c b tiêu hu , ng i s h u c phi u ó có th yêu c u c c p ch ng nh n c phi u m i v i i u ki n phi i a ra b ng ch ng v vi c s h u c ph n và thanh toán m i chi phí liên quan cho Công ty.

## **i u 7. Ch ng ch ch ng khoán khác**

Ch ng ch trái phi u ho c các ch ng ch ch ng khoán khác c a Công ty (tr các th chào bán, các ch ng ch t m th i và các tài li u t ng t ) c phát hành có d u và ch ký m u c a i di n theo pháp lu t c a Công ty.

## **i u 8. Chuy n nh ng c ph n**

1. T t c các c ph n c t do chuy n nh ng tr khi i u l này và pháp lu t có quy nh khác. C phi u niêm y t trên S giao d ch ch ng khoán c chuy n nh ng theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

2. C ph n ch a c thanh toán y không c chuy n nh ng và h ng các quy n l i liên quan nh quy n nh n c t c, quy n nh n c phi u phát hành t ng v n c ph n t ngu n v n ch s h u, quy n mua c phi u m i chào bán.

## **i u 9. Thu h i c ph n**

1. Tr ng h p c ông không thanh toán y và úng h n s ti n phi i tr mua c phi u, H i ng qu n tr thông báo và có quy n yêu c u c ông ó thanh toán s ti n còn l i cùng v i lãi su t trên kho n ti n ó và nh ng chi phí phát sinh do vi c không thanh toán y gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phi ghi rõ th i h n thanh toán m i (t i thi u là b y (07) ngày k t ngày g i thông báo), a i m thanh toán và thông báo phi ghi rõ tr ng h p không thanh toán theo úng yêu c u, s c ph n ch a thanh toán h t s b thu h i.

3. H i ng qu n tr có quy n thu h i các c ph n ch a thanh toán y và úng h n trong tr ng h p các yêu c u trong thông báo nêu trên không c th c hi n.

4. C ph n b thu h i c coi là các c ph n c quy n chào bán. H i ng qu n tr có th tr c ti p ho c y quy n bán, tái phân ph i ho c gi i quy t cho ng i ã s h u c ph n b thu h i ho c các i t ng khác theo nh ng i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p.

5. C ông n m gi c ph n b thu h i ph i t b t cách c ông i v i nh ng c ph n ó, nh ng v n ph i thanh toán t t c các kho n ti n có liên quan c ng v i ti n lãi theo t l (không quá.....% m t n m) vào th i i m thu h i theo quy t nh c a H i ng qu n tr k t ngày thu h i cho n ngày th c hi n thanh toán. H i ng qu n tr có toàn quy n quy t nh vi c c ng ch thanh toán toàn b giá tr c phi u vào th i i m thu h i.

6. Thông báo thu h i c gi n ng i n m gi c ph n b thu h i tr c th i i m thu h i. Vi c thu h i v n có hi u l c k c trong tr ng h p có sai sót ho c b t c n trong vi c gi thông báo.

## V. C C U T CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT

### i u 10. C c u t ch c, qu n tr và ki m soát

C c u t ch c qu n lý, qu n tr và ki m soát c a Công ty bao g m:

1. i h i ng c ông;
2. H i ng qu n tr ;
3. Ban ki m soát;
4. Giám c (T ng giám c) i u hành.

## VI. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG

### i u 11. Quy n c a c ông

1. C ông là ng i ch s h u Công ty, có các quy n và ngh a v t ng theo s c ph n và lo i c ph n mà h s h u. C ông ch ch u trách nhi m v n và các ngh a v tài s n khác c a Công ty trong ph m vi s v n ã góp vào Công ty.

2. Ng i n m gi c ph n ph thông có các quy n sau:

a. Tham d và phát bi u trong các cu c h p i h i ng c ông và th c hi n quy n bi u quy t tr c ti p t i i h i ng c ông ho c thông qua i di n c u quy n ho c th c hi n b phi u t xa;

b. Nh n c t c v i m c theo quy t nh c a i h i ng c ông;

c. T do chuy n nh ng c ph n ã c thanh toán y theo quy nh c a i u l này và pháp lu t hi n hành;

d. c u tiên mua c phi u m i chào bán t ng ng v i t l c ph n ph thông mà h s h u;

. Xem xét, tra c u và trích l c các thông tin liên quan n c ông trong Danh sách c ông t cách tham gia i h i ng c ông và yêu c u s a i các thông tin không chính xác;

e. Xem xét, tra c u, trích l c ho c sao ch p i u l công ty, s biên b n h p i h i ng c ông và các ngh quy t c a i h i ng c ông;

g. Tr ng h p Công ty gi i th ho c phá s n, c nh n m t ph n tài s n còn l i t ng ng v i s c ph n góp v n vào công ty sau khi Công ty ã thanh toán cho ch n và các c ông n m gi lo i c ph n khác c a Công ty theo quy nh c a pháp lu t;

h. Yêu c u Công ty mua l i c ph n c a h trong các tr ng h p quy nh c a Lu t Doanh nghi p;

i. Các quy n khác theo quy nh c a i u l này và pháp lu t.

(Các quy n i v i các lo i c ph n khác.)

3. C ông ho c nhóm c ông n m gi ....% t ng s c ph n ph thông trong th i h n liên t c t sáu (06) tháng tr lên có các quy n sau:

a. c các ng viên H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát theo quy nh t ng ng t i các Kho n 2 i u 24 và Kho n 2 i u 32 i u l này;

b. Yêu c u H i ng qu n tr th c hi n vi c tri u t p i h i ng c ông theo các quy nh t i i u 79 và i u 97 Lu t Doanh nghi p;

c. Ki m tra và nh n b n sao ho c b n trích d n danh sách các c ông có quy n tham d và b phi u t i i h i ng c ông;

d. Yêu c u Ban ki m soát ki m tra t ng v n c th liên quan n qu n lý, i u hành ho t ng c a Công ty khi xét th y c n thi t. Yêu c u ph i th hi n b ng v n b n; ph i có h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh i v i c ông là t ch c; s l ng c ph n và th i i m ng ký c ph n c a t ng c ông, t ng s c ph n c a c nhóm c ông và t l s h u trong t ng s c ph n c a Công ty; v n c n ki m tra, m c ích ki m tra;

. Các quy n khác c quy nh t i i u l này.

## **i u 12. Ngh a v c a c ông**

C ông có các ngh a v sau:

1. Tuân thủ nội quy Công ty và các quy định của Công ty; chấp hành quy định của Hội đồng, Hội đồng quản trị.

2. Tham gia các cuộc họp Hội đồng và thực hiện quy định nội quy tổ chức tiếp xúc thông qua Hội đồng của quy định nội quy thực hiện báo cáo tài chính. Công đồng có thể quy định cho thành viên Hội đồng quản trị làm Hội đồng cho mình tại Hội đồng.

3. Thanh toán tiền mua chứng khoán ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi ký mua chứng khoán.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty đi làm hình thức thực hiện mặt trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác trái lợi ích của công ty và lợi ích của các thành viên khác;

c. Thanh toán các khoản nợ của nhân viên trước quy định tài chính có thể xảy ra tại Công ty.

### **Điều 13. Hội đồng**

1. Hội đồng là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Hội đồng thành lập theo quyết định của Hội đồng quản trị (01) lần. Hội đồng thành lập theo quy định trong Điều lệ hiện hành (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức trực tiếp Hội đồng thành lập theo quy định và là cơ quan giám sát. Hội đồng thành lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, công bố thông tin qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kế toán viên công ty có thể mời tham dự Hội đồng để xem xét và công bố thông tin qua các báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng quản trị phải trực tiếp Hội đồng thành lập theo quy định trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo kiểm toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vấn đề sâu sắc hoặc bất thường (1/2) số vốn của công ty;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d. Công đồng hoặc nhóm công đồng quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu trực tiếp Hội đồng thành lập theo quy định. Yêu cầu trực tiếp Hội đồng

ng c ồng ph i nêu rõ lý do và m c ích cu c h p, có ch ký c a các c ồng liên quan ho c v n b n yêu c u c l p thành nhi u b n, trong ó m i b n ph i có ch ký c a t i thi u m t c ồng có liên quan;

e. Ban ki m soát yêu c u tri u t p cu c h p n u Ban ki m soát có lý do tin t ng r ng các thành viên H i ng qu n tr ho c cán b qu n lý c p cao vi ph m nghiêm tr ng các ngh a v c a h theo i u 119 Lu t Doanh nghi p ho c H i ng qu n tr hành ng ho c có ý nh hành ng ngoài ph m vi quy n h n c a mình;

f. Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty.

4. Tri u t p h p i h i ng c ồng b t th ng

a. H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ồng trong th i h n ba m i (30) ngày k t ngày s thành viên H i ng qu n tr còn l i nh quy nh t i i m c Kho n 3 i u 13 ho c nh n c yêu c u quy nh t i i m d và i m e Kho n 3 i u 13;

b. Tr ng h p H i ng qu n tr không tri u t p h p i h i ng c ồng theo quy nh t i i m a Kho n 4 i u 13 thì trong th i h n ba m i (30) ngày ti p theo, Ban ki m soát ph i thay th H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ồng theo quy nh Kho n 5 i u 97 Lu t Doanh nghi p;

c. Tr ng h p Ban ki m soát không tri u t p h p i h i ng c ồng theo quy nh t i i m b Kho n 4 i u 13 thì trong th i h n ba m i (30) ngày ti p theo, c ồng, nhóm c ồng có yêu c u quy nh t i i m d Kho n 3 này có quy n thay th H i ng qu n tr, Ban ki m soát tri u t p h p i h i ng c ồng theo quy nh Kho n 6 i u 97 Lu t Doanh nghi p.

Trong tr ng h p này, c ồng ho c nhóm c ồng tri u t p h p i h i ng c ồng có quy n ngh c quan ng ký kinh doanh giám sát trình t, th t c tri u t p, ti n hành h p và ra quy t nh c a i h i ng c ồng. T t c chi phí cho vi c tri u t p và ti n hành h p i h i ng c ồng c công ty hoàn l i. Chi phí này không bao g m nh ng chi phí do c ồng chi tiêu khi tham d i h i ng c ồng, k c chi phí n và i l i.

#### **i u 14. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ồng**

1. i h i ng c ồng th ng niên có quy n th o lu n và thông qua:

a. Báo cáo tài chính n m c ki m toán;

b. Báo cáo c a H i ng qu n tr;

c. Báo cáo c a Ban ki m soát;

d. K ho ch phát tri n ng n h n và dài h n c a Công ty.

2. i h i ng c ồng th ng niên và b t th ng thông qua quy t nh v các v n sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- b. Mcc t c thanh toán hàng năm cho m i lo i c ph n phù h p v i Lu t Doanh nghi p và các quy n g n li n v i lo i c ph n ó. Mcc t c này không cao h n m c mà H i ng qu n tr ngh sau khi ã tham kh o ý ki n các c ông t i i h i ng c ông;
- c. S l ng thành viên c a H i ng qu n tr ;
- d. L a ch n công ty ki m toán;
- . B u, mi n nhi m, bãi nhi m và thay th thành viên H i ng qu n tr và Ban ki m soát;
- e. T ng s t i n thù lao c a các thành viên H i ng qu n tr và Báo cáo t i n thù lao c a H i ng qu n tr ;
- g. B sung và s a i i u l Công ty;
- h. Lo i c ph n và s l ng c ph n m i c phát hành i v i m i lo i c ph n và vi c chuy n nh ng c ph n c a thành viên sáng l p trong vòng ba n m u tiên k t ngày thành l p;
- i. Chia, tách, h p nh t, sáp nh p ho c chuy n i Công ty;
- k. T ch c l i và gi i th (thanh lý) Công ty và ch nh ng i thanh lý;
- l. Ki m tra và x lý các vi ph m c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát gây thi t h i cho Công ty và các c ông c a Công ty;
- m. Quy t nh giao d ch bán tài s n Công ty ho c chi nhánh ho c giao d ch mua có giá tr t 50% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c ki m toán;
- n. Công ty mua l i h n 10% m t lo i c ph n phát hành;
- o. Vi c Giám c (T ng giám c) i u hành ng th i làm Ch t ch H i ng qu n tr ;
- p. Công ty ho c các chi nhánh c a Công ty ký k t h p ng v i nh ng ng i c quy nh t i Kho n l i u 120 Lu t Doanh nghi p v i giá tr b ng ho c l n h n 20% t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c ki m toán;
- q. Các v n khác theo quy nh c a i u l này và các quy ch khác c a Công ty.

3. Công không c tham gia b phi u trong các tr ng h p sau ây:

- a. Thông qua các h p ng quy nh t i Kho n l i u 14 khi c ông ó ho c ng i có liên quan t i c ông ó là m t bên c a h p ng;
- b. Vi c mua l i c ph n c a c ông ó ho c c a ng i có liên quan t i c ông ó tr tr ng h p vi c mua l i c ph n c th c hi n theo t l s h u

cattc các công hoc vì c mua l i c th c hi n thông qua kh p l nh hoc chào mua công khai trên S giao d ch ch ng khoán.

4. Ttc các ngh quy t và các vn ã c a vào ch ng trình h p phi c ara th o lu n và bi u quy tti ihi ng c ông.

### **iu 15. Các i di n c y quy n**

1. Các công có quy n tham d ihi ng c ông theo lu t pháp có th u quy n cho i di n c a mình tham d . Tr ng h p có nhi u h n m t ng i i di n c c thì phi xác nh c th s c ph n và s phi u b u c u quy n cho ming i i di n.

2. Vì c u quy n cho ng i i di n d h p ihi ng c ông phi l p thành vn b n theo m u c a Công ty và phi có ch ký theo quy nh sau ây:

a. Tr ng h p c ông cá nhân là ng i u quy n thì gi y y quy n phi có ch ký c a c ông ó và ng i c u quy n d h p;

b. Tr ng h p ng i i di n theo u quy n c a c ông là t ch c là ng i u quy n thì gi y y quy n phi có ch ký c a ng i i di n theo u quy n, ng i i di n theo pháp lu t c a c ông và ng i c u quy n d h p;

c. Trong tr ng h p khác thì gi y u quy n phi có ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t c a c ông và ng i c u quy n d h p.

Ng i c u quy n d h p ihi ng c ông phi n p vn b n u quy n tr c khi vào phòng h p.

3. Tr ng h p lu t s thay m t cho ng i u quy n ký gi y ch nh i di n, vì c ch nh i di n trong tr ng h p này ch c coi là có hi u l c n u gi y ch nh i di n ó c xu t trình cùng v i gi y u quy n cho lu t s hoc b n sao h p l c a gi y u quy n ó (n u tr c ó ch a ng ký v i Công ty).

4. Tr tr ng h p quy nh t i Kho n 3 iu 15, phi u bi u quy t c a ng i c u quy n d h p trong ph m vi c u quy n vn có hi u l c khi có m t trong các tr ng h p sau ây:

a. Ng i u quy n ã ch t, b h n ch n ng l c hành vi dân s hoc b m t n ng l c hành vi dân s ;

b. Ng i u quy n ã hu b vì c ch nh u quy n;

c. Ng i u quy n ã hu b th m quy n c a ng i th c hi n vì c u quy n.

iu kho n này không áp d ng trong tr ng h p Công ty nh n c thông báo v m t trong các s ki n trên tr c gi khai m c cu c h p ihi ng c ông hoc tr c khi cu c h p c tri ut pl i.

## **i u 16. Thay i các quy n**

1. Vì c thay i ho c hu b các quy n c bi t g n li n v i m t lo i c ph n u ãi có hi u l c khi c c ông n m gi ít nh t 65% c ph n ph thông tham d h p thông qua ng th i c c ông n m gi ít nh t 75% quy n bi u quy t c a lo i c ph n u ãi nói trên bi u quy t thông qua. Vì c t ch c cu c h p c a các c ông n m gi m t lo i c ph n u ãi thông qua vì c thay i quy n nêu trên ch có giá tr khi có t i thi u hai (02) c ông (ho c i di n c y quy n c a h ) và n m gi t i thi u m t ph n ba (1/3) giá tr m nh giá c a các c ph n lo i ó ãi phát hành. Tr ng h p không có s i bi u nh nêu trên thì cu c h p c t ch c l i trong vòng ba m i (30) ngày sau ó và nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó (không ph thu c vào s l ng ng i và s c ph n) có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c u quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u. T i các cu c h p c a c ông n m gi c ph n u ãi nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c qua ng i i di n có th yêu c u b phi u kín. M i c ph n cùng lo i có quy n bi u quy t ngang b ng nhau t i các cu c h p nêu trên.

2. Th t c ti n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u 18 và i u 20 i u l này.

3. Tr khi các i u kho n phát hành c ph n quy nh khác, các quy n c bi t g n li n v i các lo i c ph n có quy n u ãi i v i m t s ho c t t c các v n liên quan n vì c phân ph i l i nhu n ho c tài s n c a Công ty không b thay i khi Công ty phát hành thêm các c ph n cùng lo i.

## **i u 17. Tri u t p i h i ng c ông, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông**

1. H i ng qu n tr tri u t p i h i ng c ông ho c i h i ng c ông c tri u t p theo các tr ng h p quy nh t i i m b ho c i m c Kho n 4 i u 13 i u l này.

2. Ng i tri u t p i h i ng c ông ph i th c hi n nh ng nhi m v sau ây:

a. Chu n b danh sách các c ông i u ki n tham gia và bi u quy t t i i h i ch m nh t ba m i (30) ngày tr c ngày b t u ti n hành i h i ng c ông; ch ng trình h p, và các tài li u theo quy nh phù h p v i lu t pháp và các quy nh c a Công ty;

b. Xác nh th i gian và a i m t ch c i h i;

c. Thông báo và g i thông báo h p i h i ng c ông cho t t c các c ông có quy n d h p.

3. Thông báo h p i h i ng c ông c g i cho t t c các c ông ng th i công b trên ph ng ti n thông tin c a S giao d ch ch ng khoán ( i v i các công ty niêm y t ho c ng ký giao d ch), trên trang thông tin i n t



ng c ông tri u t p l i ch c ti n hành khi có thành viên tham d là các c ông và nh ng i di n c u quy n đ h p i di n cho ít nh t 51% c ph n có quy n bi u quy t.

3. Tr ng h p i h i l n th hai không c ti n hành do không có s i bi u c n thi t trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m n nh khai m c i h i, i h i ng c ông l n th ba có th c tri u t p trong vòng hai m i (20) ngày k t ngày d nh ti n hành i h i l n hai và trong tr ng h p này i h i c ti n hành không ph thu c vào s l ng c ông hay i di n u quy n tham d và c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n đ ki n c phê chu n t i i h i ng c ông l n th nh t.

### **i u 19. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông**

1. Vào ngày t ch c i h i ng c ông, Công ty ph i th c hi n th t c ng ký c ông và ph i th c hi n vì c ng ký cho n khi các c ông có quy n đ h p có m t ng ký h t.

2. Khi ti n hành ng ký c ông, Công ty c p cho t ng c ông ho c i di n c u quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t, trên ó ghi s ng ký, h và tên c a c ông, h và tên i di n c u quy n và s phi u bi u quy t c a c ông ó. Khi ti n hành bi u quy t t i i h i, s th tán thành ngh quy t c thu tr c, s th ph n i ngh quy t c thu sau, cu i cùng m t ng s phi u tán thành hay ph n i quy t nh. T ng s phi u tán thành, ph n i, b phi u tr ng ho c không h p l t ng v n c Ch to thông báo ngay sau khi ti n hành bi u quy t v n ó. i h i b u nh ng ng i ch u trách nhi m ki m phi u ho c giám sát ki m phi u theo ngh c a Ch to . S thành viên c a ban ki m phi u do i h i ng c ông quy t nh c n c ngh c a Ch to nh ng không v t quá s ng i theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

3. C ông n đ i h i ng c ông mu n có quy n ng ký ngay và sau ó có quy n tham gia và bi u quy t t i i h i. Ch to không có trách nhi m đ ng i h i cho c ông n mu n ng ký và hi u l c c a các t bi u quy t ã ti n hành tr c khi c ông n mu n tham d không b nh h ng.

4. Ch t ch H i ng qu n tr làm ch to các cu c h p do H i ng qu n tr tri u t p. Tr ng h p Ch t ch v ng m t ho c t m th i m t kh n ng làm vì c thì các thành viên còn l i b u m t ng i trong s h làm ch to cu c h p. Tr ng h p không có ng i có th làm ch to , thành viên H i ng qu n tr có ch c v cao nh t i u khi n i h i ng c ông b u ch to cu c h p trong s nh ng ng i đ h p và ng i có phi u b u cao nh t làm ch to cu c h p.

Trong các trường hợp khác, người ký tên trực tiếp phải ghi rõ họ và tên của người ký tên khi nộp hồ sơ đăng ký và người có quyền biểu quyết làm chủ tịch.

5. Chủ tịch là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của hội đồng.

6. Chủ tịch hội có thể hoãn hội khi có sự bất hợp pháp yêu cầu của hội đồng đã có sự biểu quyết.

7. Chủ tịch hội có thể ký quyết định hành chính của hội đồng về việc chấp hành và có trách nhiệm về việc phân bổ ngân sách mong muốn của các biểu quyết.

8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các công nhân đi làm quy định của hội đồng chủ tịch kiểm tra các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có công nhân đi làm quy định không tuân thủ quy định về kiểm tra các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét mặt cách của trường hợp có thể chấp hành các quy định của công nhân nêu trên tham gia hội.

9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét mặt cách của trường hợp, có thể tiến hành các biện pháp của Hội đồng quản trị cho là thích hợp:

- B trí chấp hành tất cả các yêu cầu của hội đồng;
- B o m an toàn cho m i n g i c ó m t t i các a i m h p ;
- T o i u k i n cho c ô n g tham d (h o c t i p t c tham d ) i h i .

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi các biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nêu trên của Hội đồng quản trị thích hợp. Các biện pháp áp dụng có thể là chấp hành vào các hoạt động sản xuất kinh doanh hình thức khác.

10. Trong trường hợp tất cả hội đồng có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định các yêu cầu của hội đồng có thể:

a. Thông báo về việc tiến hành tất cả các yêu cầu trong thông báo và chủ tịch hội có mặt tất cả (“các yêu cầu chính của hội”);

b. B trí, t ch c nh ng c ô n g h o c i d i n c u quy n không d h p c theo i u kho n này h o c nh ng ng i mu n tham gia a i m khác v i a i m chính c a i h i có th ng th i tham d i h i ;

Thông báo về việc chấp hành của hội đồng không cần nêu chi tiết về các biện pháp chấp hành theo điều khoản này.

11. Trong điều khoản này (trừ khi hoàn toàn yêu cầu khác), các công nhân coi là tham gia hội đồng chính của hội.

Hàng năm Công ty tổ chức hội nghị công đồng ít nhất một (01) lần. Hội nghị công đồng thường niên không thể thực hiện theo hình thức lý thuyết bằng văn bản.

#### **Điều 20. Thông qua quyết định của hội nghị công đồng**

1. Trong trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của hội nghị công đồng và các văn bản sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các công đồng có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quyền có mặt tại hội nghị công đồng:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo về Hội đồng quản trị nhiệm vụ Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành.

2. Các quyết định của hội nghị công đồng liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung nội dung, loại hình phiếu và số lượng phiếu chào bán, việc thực hiện hay ghi kết quả doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chỉ nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất của kế toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các công đồng có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các công đồng có quyền biểu quyết chấp thuận (nếu có) trong trường hợp lý thuyết (nếu có) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các công đồng có quyền biểu quyết chấp thuận (nếu có) trong trường hợp lý thuyết bằng văn bản).

#### **Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục ký kết công bằng văn bản thông qua quyết định của hội nghị công đồng**

Thẩm quyền và thủ tục ký kết công bằng văn bản thông qua quyết định của hội nghị công đồng thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền ký kết công bằng văn bản thông qua quyết định của hội nghị công đồng bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chú ý đến nội dung ký kết, đồng thời quy định của hội nghị công đồng và các tài liệu ghi trình đồng thời quy định. Phiếu lý thuyết kèm theo đồng thời quy định và tài liệu ghi trình phải có ghi bằng phương thức bỏ phiếu kín và cách ký kết công đồng. Hội đồng quản trị phải bố trí, công bố tài liệu cho các công đồng trong một thời gian hợp lý xem xét biểu quyết và phải ghi ít nhất một (15) ngày trước ngày họp thường niên của hội nghị.

3. Phiếu lý thuyết phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nội dung ký kinh doanh của Công ty;
- b. Mục đích lý ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công đồng là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của công đồng hoặc đi đến theo quy định của công đồng là tổ chức; số lượng thành phần tài trợ và số phi nhân từ quy định của công đồng;
- d. Văn bản lý ý kiến thông qua quy định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến vì lợi ích văn bản lý ý kiến;
- f. Thời hạn phải giải quyết Công ty phi nhân từ lý ý kiến đã đề nghị;
- g. Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đi đến theo pháp luật của Công ty.

4. Phi nhân từ lý ý kiến đã đề nghị phải có chữ ký của công đồng là cá nhân, của người đi đến theo quy định hoặc người đi đến theo pháp luật của công đồng là tổ chức.

Phi nhân từ lý ý kiến giải quyết Công ty phi nhân từ trong phong bì dán kín và không ai được quy định mở khi kiểm tra. Các phi nhân từ lý ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định nội dung phi nhân từ lý ý kiến hoặc đã bỏ phiếu không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm tra và lập biên bản kiểm tra phiếu để trình Ban kiểm soát hoặc của công đồng không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm tra phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nội dung ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các văn bản lý ý kiến thông qua quy định;
- c. Số công viên tài trợ số phi nhân từ quy định đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phi nhân từ quy định hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phiếu danh sách công đồng tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến vì lợi ích văn bản;
- e. Các quy định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đi đến theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm tra phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm tra phiếu phải liên hệ chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm tra phiếu; liên hệ chịu trách nhiệm về các thủ tục phát sinh từ các quy định được thông qua do kiểm tra phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm tra phiếu công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi (24) giờ và gửi kèm các công trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

7. Phiếu lý giải kiến nghị, biên bản kiểm tra, toàn văn nghị quyết đã thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lý giải kiến nghị của Hội đồng Giám sát chính của Công ty.

8. Quy trình thông qua theo hình thức lý giải kiến nghị bằng văn bản phiếu công bố ít nhất 75% tổng số phiếu có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị quy trình thông qua tức thời chấp hành hiệu lực.

## **Điều 22. Biên bản họp Hội đồng**

Người chairs Hội đồng chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Hội đồng. Biên bản họp Hội đồng phiếu công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các công trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Hội đồng kết thúc. Biên bản họp Hội đồng được coi là bằng chứng xác thực văn phòng công việc đã tiến hành tiến hành Hội đồng trừ khi có ý kiến phản biện nội dung biên bản của ra theo đúng quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản họp Hội đồng lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tịch Hội và Thư ký và lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều này. Các biên ghi chép, biên bản, sách ký của các công đồng hợp và văn bản quy định tham dự Hội đồng Giám sát chính của Công ty.

## **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quy trình của Hội đồng**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận biên bản họp Hội đồng Hội đồng hoặc biên bản kết quả kiểm tra lý giải kiến nghị Hội đồng, công đồng, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) Hội đồng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quy trình của Hội đồng trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Hội đồng không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều Công ty.

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều Công ty.

Trường hợp quy định của Hội đồng hủy bỏ theo quy định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Hội đồng hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Hội đồng trong vòng .... ngày theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều này.

## VII. H I NG QU N TR

### Đ i u 24. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr

1. Số l ng thành viên H i ng qu n tr ít nh t là ..... ng i và nhi u nh t là m i m t (11) ng i. Nhi m k c a H i ng qu n tr là n m (05) n m. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr không quá n m (05) n m; thành viên H i ng qu n tr có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . T ng s thành viên H i ng qu n tr không i u hành ho c thành viên H i ng qu n tr c l p ( i v i công ty i chúng quy mô l n và công ty niêm y t) ph i chi m ít nh t m t ph n ba (1/3) t ng s thành viên H i ng qu n tr . Số l ng t i thi u thành viên H i ng qu n tr không i u hành/ c l p c xác nh theo ph ng th c làm tròn xu ng.

2. Các c ông n m gi c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu (06) tháng có quy n g p s quy n bi u quy t c a t ng ng i l i v i nhau c các ng viên H i ng qu n tr . C ông ho c nhóm c ông n m gi t 5% n d i 10% t ng s c ph n có quy n bi u quy t c c m t (01) ng viên; t 10% n d i 30% c c t i a hai (02) ng viên; t 30% n d i 40% c c t i a ba (03) ng viên; t 40% n d i 50% c c t i a b n (04) ng viên; t 50% n d i 60% c c t i a n m (05) ng viên; t 60% n d i 70% c c t i a sáu (06) ng viên; t 70% n 80% c c t i a b y (07) ng viên; và t 80% n d i 90% c c t i a tám (08) ng viên.

3. Tr ng h p s l ng các ng viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, H i ng qu n tr ng nhi m có th c thêm ng c viên ho c t ch c c theo c ch c Công ty quy nh t i Quy ch n i b v qu n tr công ty. C ch c hay cách th c H i ng qu n tr ng nhi m c ng c viên H i ng qu n tr ph i c công b rõ ràng và ph i c i h i ng c ông thông qua tr c khi ti n hành c .

4. Thành viên H i ng qu n tr không còn t cách thành viên H i ng qu n tr trong các tr ng h p sau:

a. Thành viên ó không t cách làm thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p ho c b lu t pháp c m không c làm thành viên H i ng qu n tr ;

b. Thành viên ó g i n b ng v n b n xin t ch c n tr s chính c a Công ty;

c. Thành viên ó b r i lo n tâm th n và thành viên khác c a H i ng qu n tr có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;

d. Thành viên có không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định cách xử lý này bằng văn bản;

. Thành viên có bất khả nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác thay thế làm thành viên Hội đồng quản trị thay thế chức vụ phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận từ Hội đồng công ngay tiếp sau đó. Sau khi Hội đồng công chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực kể từ thời điểm bổ nhiệm của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Hội đồng công chấp thuận, mới quy định của Hội đồng quản trị cho đến thời điểm đi nữa Hội đồng công có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về kế toán và thủ tục kế toán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là nhân viên của Công ty.

### **Điều 25. Quy định về nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có thẩm quyền nhất thể hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Hội đồng công.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác.

3. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quy định của Hội đồng công quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quy định và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược của Hội đồng công thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo nghĩa của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và quy định nội bộ của Công ty;

d. Quyết định cấu trúc của Công ty;

. Giám đốc quy định các khiếu nại của Công ty và vị trí cán bộ quản lý công nghệ quy định nhân lực của Công ty giám đốc quy định các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý và vị trí cán bộ quản lý khác;

e. Xuất các loại chứng phiếu có thể phát hành và từng số chứng phiếu phát hành theo từng loại;

g. Xuất vị trí phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chức năng quy định cho phép người sử dụng mua chứng phiếu theo mức giá nhất định;

h. Quy định giá chào bán trái phiếu, chứng phiếu và các chức năng khoản chuyển đổi trong trường hợp cần thiết theo quy định;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) và phó giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không áp dụng trái với các quy định theo hợp đồng của nhà quản lý bị bãi nhiệm (nếu có);

k. Báo cáo hiệu quả công việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) và phó giám đốc;

l. Xuất mức thuế hàng năm và xác định mức thuế thu nhập cá nhân; thuế chi trả thuế;

m. Xuất vị trí chức danh của Hội đồng quản trị Công ty.

4. Nhiệm vụ sau đây phải do Hội đồng quản trị phê duyệt:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 điều 108 Luật Doanh nghiệp và trường hợp quy định tại Khoản 3 điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Hội đồng quản trị phê duyệt, Hội đồng quản trị tùy theo thẩm quyền quy định về việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);

d. Chọn và bãi nhiệm nhà quản lý của Công ty và nhiệm vụ là đại diện pháp luật của Công ty;

. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thanh toán, bảo hiểm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

e. Các khoản thuế không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá ..... tháng Việt Nam hoặc các khoản thuế vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán chứng khoán, phần vốn góp của các công ty khác của thành lập Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc nh giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành chứng phi hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quý kim, đất đai, quyền sử dụng trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mệnh giá chứng phi;

k. Quy định mệnh giá mua hoặc thu hồi chứng phi của Công ty;

l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quy định chỉ có thể chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo tình hình công việc hoạt động của mình, công thức là văn phòng giám sát của Hội đồng quản trị và Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Hội đồng, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chấp thuận của Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trường hợp luật pháp và điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đi xin lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các điều kiện cụ thể quy định thay thế) sẽ nhận thù lao cho công việc của mình dưới cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Hội đồng quy định. Khoản thù lao này sẽ chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua chứng phi và các lợi ích khác của công ty, Công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là điều kiện phân bổ góp phần công bố chi tiết trong báo cáo tài chính năm của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trả gói theo từng lần, lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp Hội đồng, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

## **đ i u 26. Ch t ch H i ng qu n tr**

1. i h i ng c ông ho c H i ng qu n tr ph i l a ch n trong s các thành viên H i ng qu n tr b u ra m t Ch t ch. Tr khi i h i ng c ông quy t nh khác, Ch t ch H i ng qu n tr không kiêm nhi m ch c v Giám c (T ng giám c) i u hành c a Công ty. V i c Ch t ch H i ng qu n tr kiêm nhi m ch c Giám c (T ng giám c) i u hành ph i c phê chu n hàng n m t i i h i ng c ông th ng niên.

2. Ch t ch H i ng qu n tr có trách nhi m tri u t p và làm ch to i h i ng c ông và các cu c h p c a H i ng qu n tr, ng th i có nh ng quy n và trách nhi m khác quy nh t i i u l này và Lu t Doanh nghi p.

3. Ch t ch H i ng qu n tr ph i có trách nhi m m b o v i c H i ng qu n tr g i báo cáo tài chính n m, báo cáo ho t ng c a Công ty, báo cáo ki m toán và báo cáo ki m tra c a H i ng qu n tr cho các c ông t i i h i ng c ông.

4. Tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr t ch c ho c b bãi nhi m, H i ng qu n tr ph i b u ng i thay th trong th i h n m i (10) ngày.

## **đ i u 27. Các cu c h p c a H i ng qu n tr**

1. Tr ng h p H i ng qu n tr b u Ch t ch thì cu c h p u tiên c a nhi m k H i ng qu n tr b u Ch t ch và ra các quy t nh khác thu c th m quy n ph i c t i n hành trong th i h n b y (07) ngày làm v i c, k t ngày k t thúc b u c H i ng qu n tr nhi m k ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ng h p có nhi u h n m t (01) thành viên có s phi u b u cao nh t ngang nhau thì các thành viên này b u m t ng i trong s h tri u t p h p H i ng qu n tr theo nguyên t c a s .

2. Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p các cu c h p H i ng qu n tr th ng k , l p ch ng trình ngh s , th i gian và a i m h p ít nh t n m (05) ngày tr c ngày h p đ ki n. Ch t ch có th tri u t p h p b t k khi nào th y c n thi t, nh ng ít nh t là m i quý ph i h p m t (01) l n.

3. Ch t ch H i ng qu n tr tri u t p các cu c h p b t th ng khi th y c n thi t vì l i ích c a Công ty. Ngoài ra, Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr, không c trì hoãn n u không có lý do chính áng, khi m t trong s các i t ng đ i ây ngh b ng v n b n trình bày m c ích cu c h p và các v n c n bàn:

a. Giám c (T ng giám c) i u hành ho c ít nh t n m (05) cán b qu n lý khác;

b. Ít nh t hai (02) thành viên H i ng qu n tr ;

c. Ban ki m soát.

4. Các cu c h p H i ng qu n tr nêu t i Kho n 3 i u 27 ph i c t i n hành trong th i h n m i l m (15) ngày sau khi có xu t h p. Tr ng h p

Chức vụ Hội đồng quản trị không chấp nhận trừ một phần theo nghĩa thì Chức vụ phải chịu trách nhiệm về những nghị quyết của Hội đồng; những nghị quyết của Hội đồng chấp thuận của Hội đồng 3 điều 27 có thể mình trừ một phần Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu kiểm toán viên chấp, Chức vụ Hội đồng quản trị phải trừ một phần Hội đồng quản trị bản và báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị cần tiến hành cách thường kỳ của Công ty hoặc những cách khác Việt Nam hoặc các ngoài theo quy định của Chức vụ Hội đồng quản trị và các thành phần của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải gửi trực tiếp cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể chỉ thông báo miệng bằng văn bản và viết chỉ này có thể có hiệu lực. Thông báo họp Hội đồng phải làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo ý chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phụ thuộc cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo miệng bằng gửi bằng bưu điện, fax, điện thoại hoặc phương tiện khác, những phương tiện mà các cách của thành viên Hội đồng quản trị cần ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần đầu tiên tiến hành các quy định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua nghị quyết (nghị quyết quy định).

Trường hợp không số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải trì hoãn lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày đầu tiên hoãn họp lần đầu tiên. Cuộc họp trì hoãn lại cần tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

#### 9. Biểu quyết.

a. Trường hợp nghị quyết của Hội đồng 9 điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc nghị quyết quản trị cần có mặt với cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có mặt (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không cần biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc xuất mà thành viên đó hoặc nghị quyết liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không cần tính vào số nghị quyết biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị có mặt có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quy định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điều 9 của Luật 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên mà những vấn đề đó không có gì quy định về mặt pháp lý thì quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó sẽ chuyển tiếp cho cuộc họp quyết định. Phán quyết của cuộc họp liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa công bố;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hàng loạt mua hoặc bán cổ phiếu quy định tại Điều 4 và Điều 35 của Luật này sẽ coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp hàng loạt mua hoặc bán cổ phiếu hoặc giao dịch chứng khoán ký kết với Công ty và bất kỳ thân nhân nào có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai báo cáo, nội dung của quy định đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không báo cáo thân nhân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp, giao dịch chứng khoán ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị tiếp theo sau khi thành viên này báo cáo riêng mình có lợi ích hoặc có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả các thành viên đang vắng mặt khác nhau vì vì vậy nên là mỗi thành viên tham gia họp có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách riêng lẻ.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả video) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy sẽ coi là “có mặt” tại cuộc họp. Mọi cuộc họp thực hiện theo quy định này là vắng mặt mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị

ông nh t t p h p l i, ho c n u không có m t nhóm nh v y, là a i m mà Ch to cu c h p h i n d i n.

Các quy t nh c thông qua trong m t cu c h p qua i n tho i c t ch c và t i n hành m t cách h p th c có hi u l c ngay khi k t thúc cu c h p nh ng ph i c kh ng nh b ng các ch ký trong biên b n c a t t c thành viên H i ng qu n tr tham d cu c h p này.

13. Ngh quy t theo hình th c l y ý ki n b ng v n b n c thông qua trên c s ý ki n tán thành c a a s thành viên H i ng qu n tr có quy n bi u quy t. Ngh quy t này có hi u l c và giá tr nh ngh quy t c các thành viên H i ng qu n tr thông qua t i cu c h p c tri u t p và t ch c theo thông l .

14. Ch t ch H i ng qu n tr có trách nhi m chuy n biên b n h p H i ng qu n tr cho các thành viên và biên b n ó là b ng ch ng xác th c v công vi c ã c t i n hành trong các cu c h p ó tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n trong th i h n m i (10) ngày k t khi chuy n i. Biên b n h p H i ng qu n tr c l p b ng ti ng Vi t và ph i có ch ký c a t t c các thành viên H i ng qu n tr tham d cu c h p ho c Biên b n c l p thành nhi u b n và m i biên b n có ch ký c a ít nh t m t (01) thành viên H i ng qu n tr tham gia cu c h p.

15. H i ng qu n tr có th thành l p và u quy n cho các ti u ban tr c thu c. Thành viên c a ti u ban có th g m m t ho c nhi u thành viên c a H i ng qu n tr và m t ho c nhi u thành viên bên ngoài theo quy t nh c a H i ng qu n tr . Trong quá trình th c hi n quy n h n c u thác, các ti u ban ph i tuân th các quy nh mà H i ng qu n tr ra. Các quy nh này có th i u ch nh ho c cho phép k t n p thêm nh ng ng i không ph i là thành viên H i ng qu n tr vào các ti u ban nêu trên và cho phép ng i ó c quy n bi u quy t v i t cách thành viên c a ti u ban nh ng (a) ph i m b o s l ng thành viên bên ngoài ít h n m t n a t ng s thành viên c a ti u ban và (b) ngh quy t c a các ti u ban ch có hi u l c khi có a s thành viên tham d và bi u quy t t i phiên h p c a ti u ban là thành viên H i ng qu n tr .

16. Vi c th c thi quy t nh c a H i ng qu n tr , ho c c a ti u ban tr c thu c H i ng qu n tr , ho c c a ng i có t cách thành viên ti u ban H i ng qu n tr c coi là có giá tr pháp lý k c trong trong tr ng h p vi c b u, ch nh thành viên c a ti u ban ho c H i ng qu n tr có th có sai sót.

## **VIII. T NG GIÁM C I U HÀNH, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY**

### **i u 28. T ch c b máy qu n lý**

H th ng qu n lý c a Công ty ph i m b o b máy qu n lý ch u trách nhi m tr c H i ng qu n tr và tr c thu c s lãnh o c a H i ng qu n tr . Công ty có m t (01) Giám c (T ng giám c) i u hành, các Phó giám c

(Phó tổng giám đốc) i u hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được Hội đồng quản trị quyết định và thông qua một cách hợp thức.

### **Điều 29. Cán bộ quản lý**

1. Theo yêu cầu Giám đốc (Tổng giám đốc) i u hành và các sơ đồ tổ chức của Hội đồng quản trị, Công ty quyết định tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị xuất phát từ thị trường. Cán bộ quản lý phải có phẩm chất cần thiết các hoạt động và trách nhiệm của Công ty theo các mục tiêu đề ra.

2. Mối lương, thâm niên, lợi ích và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động với Giám đốc (Tổng giám đốc) i u hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với nhân viên khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc (Tổng giám đốc) i u hành.

### **Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhậm chức và quy định của Giám đốc (Tổng giám đốc) i u hành**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị khác làm Giám đốc (Tổng giám đốc) i u hành; ký hợp đồng trong đó quy định mối lương, thâm niên, lợi ích và các điều kiện liên quan khác. Thông tin về mối lương, trách nhiệm, quy định của Giám đốc (Tổng giám đốc) i u hành phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị và nêu trong Báo cáo thâm niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) i u hành là ba (03) năm và có thể tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hoãn lại các quy định về hợp đồng lao động. Giám đốc (Tổng giám đốc) i u hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

3. Giám đốc (Tổng giám đốc) i u hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các quy định của Hội đồng quản trị và chỉ thị của Hội đồng, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch của Công ty cũng như Hội đồng quản trị và chỉ thị của Hội đồng thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay đổi một Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, trách nhiệm và i u hành hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại của Công ty theo những thông lệ quản lý tất nhiên;

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm những chức danh các hoạt động quản lý tất nhiên theo xuất phát của Hội đồng quản trị, và tất cả Hội đồng quản

tr quy t nh m c l ng, thù lao, các l i ích và các i u kho n khác c a h p ng lao ng c a cán b qu n lý;

d. Tham kh o ý ki n c a H i ng qu n tr quy t nh s l ng ng i lao ng, m c l ng, tr c p, l i ích, vi c b nhi m, mi n nhi m và các i u kho n khác liên quan nh p ng lao ng c a h ;

. Vào ngày ..... hàng n m, Giám c (T ng giám c) i u hành ph i trình H i ng qu n tr phê chu n k ho ch kinh doanh chi ti t cho n m tài chính ti p theo trên c s áp ng các yêu c u c a ngân sách phù h p c ng nh k ho ch tài chính n m (05) n m;

e. xu t nh ng bi n pháp nâng cao ho t ng và qu n lý c a Công ty;

g. Chu n b các b n d toán dài h n, hàng n m và hàng quý c a Công ty (sau ây g i là b n d toán) ph c v ho t ng qu n lý dài h n, hàng n m và hàng quý c a Công ty theo k ho ch kinh doanh. B n d toán hàng n m (bao g m c b ng cân i k toán, báo cáo k t qu ho t ng kinh doanh và báo cáo l u chuy n ti n t đ ki n) cho t ng n m tài chính ph i c trình H i ng qu n tr thông qua và ph i bao g m nh ng thông tin quy nh t i các quy ch c a Công ty;

h. Th c hi n t t c các ho t ng khác theo quy nh c a i u l này và các quy ch c a Công ty, các ngh quy t c a H i ng qu n tr , h p ng lao ng c a Giám c (T ng giám c) i u hành và pháp lu t.

4. Giám c (T ng giám c) i u hành ch u trách nhi m tr c H i ng qu n tr và i h i ng c ông v vi c th c hi n nhi m v và quy n h n c giao và ph i báo cáo các c quan này khi c yêu c u.

5. H i ng qu n tr có th bãi nhi m Giám c (T ng giám c) i u hành khi a s thành viên H i ng qu n tr đ h p có quy n bi u quy t tán thành và b nhi m m t Giám c (T ng giám c) i u hành m i thay th .

### **i u 31. Th ký Công ty**

H i ng qu n tr ch nh m t (01) ho c nhi u ng i làm Th ký Công ty v i nhi m k và nh ng i u kho n theo quy t nh c a H i ng qu n tr . H i ng qu n tr có th bãi nhi m Th ký Công ty khi c n nh ng không trái v i các quy nh pháp lu t hi n hành v lao ng. H i ng qu n tr c ng có th b nhi m m t hay nhi u Tr lý Th ký Công ty tu t ng th i i m. Vai trò và nhi m v c a Th ký Công ty bao g m:

1. Chu n b các cu c h p c a H i ng qu n tr , Ban ki m soát và i h i ng c ông theo yêu c u c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát.

2. T v n v th t c c a các cu c h p.

3. Tham d các cu c h p.

4. m b o các ngh quy t c a H i ng qu n tr phù h p v i lu t pháp.

5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm báo cáo thông tin theo các quy định của pháp luật và nội quy Công ty.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán công lập đang thực hiện vị trí kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trình Hội đồng.

2. Các công có quy định phần trăm phi ưu đãi quy định tại nghị định liên tiếp nhau của các thành viên Ban kiểm soát. Công hoặc nhóm công nhân mất 5% nên dưới 10% tổng số phần có quyền biểu quyết của công (01) thành viên; từ 10% nên dưới 30% của công thì hai (02) thành viên; từ 30% nên dưới 40% của công thì ba (03) thành viên; từ 40% nên dưới 50% của công thì bốn (04) thành viên; từ 50% nên dưới 60% của công thì năm (05) thành viên.

3. Trưởng bộ phận lập các thành viên Ban kiểm soát thông qua công và công viên không số lượng cần thiết, Ban kiểm soát công nhân có thể thêm công viên hoặc tổ chức công theo chế độ công ty quy định tại Quy chế nội bộ quản trị công ty. Công Ban kiểm soát công nhân công nhân viên Ban kiểm soát phải công bố rõ ràng và phải công bố công nhân công thông qua trình công nhân hành công.

4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Hội đồng công bố, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể công bố liên tiếp nhiệm kỳ không hạn chế.

5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tác cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên có bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- b. Thành viên có bị cấm công bố thông tin nội bộ của Công ty;
- c. Thành viên có bị rớt tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ họ không còn năng lực hành vi dân sự;
- d. Thành viên có vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sắp xếp bổ sung thành viên Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rớt chức vụ của người này bất cứ trường hợp nào;
- e. Thành viên có bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Hội đồng.

### **Điều 33. Ban kiểm soát**

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều này, chịu trách nhiệm quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- a. Xem xét lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mức liên quan;
- b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- c. Xin ý kiến từ chuyên gia độc lập hoặc từ chuyên gia pháp lý và mời họ tham gia các buổi họp chuyên gia bên ngoài công ty về kinh nghiệm trình chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty ưu tiên nhất;
- d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;  
Thảo luận những vấn đề khó khăn và điểm phát hiện các kết quả kiểm toán giữa các cuộc kiểm tra nhưng mà kiểm toán viên độc lập chưa bàn bạc;
- e. Xem xét thủ tục lựa chọn kiểm toán viên độc lập và ý kiến phê duyệt của ban quản lý công ty;
- g. Xem xét báo cáo của công ty về các hình thức kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
- h. Xem xét những kết quả kiểm tra nội bộ và ý kiến phê duyệt của ban quản lý.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các ban quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan

n ho t ̄ng c a Công ty theo yêu c u c a Ban ki m soát. Th ̄ ký Công ty ph i b o ̄ m r ng toàn b ̄ b n sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung c p cho các thành viên H i ̄ ng qu n tr ̄ và b n sao các biên b n h p H i ̄ ng qu n tr ̄ ph i ̄ c cung c p cho thành viên Ban ki m soát vào cùng th i i m chúng ̄ c cung c p cho H i ̄ ng qu n tr ̄ .

3. Ban ki m soát có th ̄ ban hành các quy ̄ nh v ̄ các cu c h p c a Ban ki m soát và cách th c ho t ̄ng c a Ban ki m soát. Ban ki m soát ph i h p t i thi u hai (02) l n m t n m và s ̄ l ̄ ng thành viên tham gia các cu c h p t i thi u là hai (02) ng ̄ i.

4. M c thù lao c a các thành viên Ban ki m soát do ̄ i h i ̄ ng c ̄ ông quy t ̄nh. Thành viên c a Ban ki m soát ̄ c thanh toán các kho n chi phí i l i, khách s n và các chi phí phát sinh m t cách h p lý khi h ̄ tham gia các cu c h p c a Ban ki m soát ho c th c thi các ho t ̄ng khác c a Ban ki m soát.

## **X. NHI M V ̄ C A THÀNH VIÊN H I ̄ NG QU N TR ̄ , THÀNH VIÊN BAN KI M SOÁT, GIÁM ̄ C (T ̄NG GIÁM ̄ C) I U HÀNH VÀ CÁN B ̄ QU N LÝ KHÁC**

### **i u 34. Trách nhi m c n tr ̄ ng**

Thành viên H i ̄ ng qu n tr ̄ , thành viên Ban ki m soát, Giám ̄ c (T ̄ng giám ̄ c) i u hành và cán b ̄ qu n lý khác có trách nhi m th c hi n các nhi m v c a mình, k c nh ng nhi m v v i t ̄ cách thành viên các ti u ban c a H i ̄ ng qu n tr ̄ , m t cách trung th c vì l i ích cao nh t c a Công ty và v i m c c n tr ̄ ng mà m t ng ̄ i th n tr ̄ ng ph i có khi ̄ m nhi m v trí t ̄ng ng và trong hoàn c nh t ̄ng t ̄ .

### **i u 35. Trách nhi m trung th c và tránh các xung ̄ t v quy n l i**

1. Thành viên H i ̄ ng qu n tr ̄ , thành viên Ban ki m soát, Giám ̄ c (T ̄ng giám ̄ c) i u hành và cán b ̄ qu n lý khác không ̄ c phép s ̄ d ng nh ng c h i kinh doanh có th ̄ mang l i l i ích cho Công ty vì m c ích cá nhân; ng th i không ̄ c s ̄ d ng nh ng thông tin có ̄ c nh ch c v c a mình t l i cá nhân hay ̄ ph c v l i ích c a t ̄ ch c ho c cá nhân khác.

2. Thành viên H i ̄ ng qu n tr ̄ , thành viên Ban ki m soát, Giám ̄ c (T ̄ng giám ̄ c) i u hành và cán b ̄ qu n lý khác có ngh a v ̄ thông báo cho H i ̄ ng qu n tr ̄ t t c các l i ích có th ̄ gây xung ̄ t v i l i ích c a Công ty mà h ̄ có th ̄ c h ̄ ng thông qua các pháp nhân kinh t ̄ , các giao d ch ho c cá nhân khác.

3. Công ty không c p các kho n vay ho c b o lãnh cho các thành viên H i ̄ ng qu n tr ̄ , thành viên Ban ki m soát, Giám ̄ c (T ̄ng giám ̄ c) i u hành, cán b ̄ qu n lý khác và nh ng ng ̄ i có liên quan t i các thành viên nêu

trên hoc pháp nhân mà nh ng ng i này có các l i ích tài chính, tr tr ng h p các kho n vay hoc b o lãnh nêu trên ã c i h i ng c ông ch p thu n.

4. H p ng hoc giao d ch gi a Công ty v i m t hoc nhi u thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, Giám c (T ng giám c) i u hành, cán b qu n lý khác hoc nh ng ng i liên quan n h hoc công ty, i tác, hi p h i, hoc t ch c mà thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, Giám c (T ng giám c) i u hành, cán b qu n lý khác hoc nh ng ng i liên quan n h là thành viên, hoc có liên quan l i ích tài chính không b vô hi u hoá trong các tr ng h p sau ây:

a. i v i h p ng có giá tr t d i 20% t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t, nh ng y u t quan tr ng v h p ng hoc giao d ch c ng nh các m i quan h và l i ích c a cán b qu n lý hoc thành viên H i ng qu n tr ã c báo cáo cho H i ng qu n tr hoc ti u ban liên quan. ng th i, H i ng qu n tr hoc ti u ban ó ã cho phép th c hi n h p ng hoc giao d ch ó m t cách trung th c b ng a s phi u tán thành c a nh ng thành viên H i ng không có l i ích liên quan;

b. i v i nh ng h p ng có giá tr l n h n 20% c a t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t, nh ng y u t quan tr ng v h p ng hoc giao d ch này c ng nh m i quan h và l i ích c a cán b qu n lý hoc thành viên H i ng qu n tr ã c công b cho các c ông không có l i ích liên quan có quy n bi u quy t v v n ó, và nh ng c ông ó ã b phi u tán thành h p ng hoc giao d ch này;

c. H p ng hoc giao d ch ó c m t t ch c t v n c l p cho là công b ng và h p lý xét trên m i ph ng di n liên quan n các c ông c a công ty vào th i i m giao d ch hoc h p ng này c H i ng qu n tr hoc m t ti u ban tr c thu c H i ng qu n tr hay các c ông cho phép th c hi n.

Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, Giám c (T ng giám c) i u hành, cán b qu n lý khác và nh ng ng i có liên quan v i các thành viên nêu trên không c s d ng các thông tin ch a c phép công b c a công ty hoc ti t l cho ng i khác th c hi n các giao d ch có liên quan.

### **i u 36. Trách nhi m v thi t h i và b i th ng**

1. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, Giám c (T ng giám c) i u hành và cán b qu n lý khác vi ph m ngh a v , trách nhi m trung th c và c n tr ng, không hoàn thành ngh a v c a mình v i s m n cán và n ng l c chuyên môn ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i do hành vi vi ph m c a mình gây ra.

2. Công ty b i th ng cho nh ng ng i ã, ang hoc có th tr thành m t bên liên quan trong các v khi u n i, ki n, kh i t (bao g m các v vi c dân s , hành chính và không ph i là các v ki n do Công ty là ng i kh i ki n) n u ng i ó ã hoc ang là thành viên H i ng qu n tr , cán b qu n lý, nhân

viên hoc là i di n c Công ty u quy n hoc ng i ó ã hoc ang làm theo yêu c u c a Công ty v i t cách thành viên H i ng qu n tr , cán b qu n lý, nhân viên hoc i di n theo u quy n c a Công ty v i i u ki n ng i ó ã hành ng trung th c, c n tr ng, m n cán vì l i ích hoc không ch ng l i l i ích cao nh t c a Công ty, trên c s tuân th lu t pháp và không có b ng ch ng xác nh n r ng ng i ó ã vì ph m nh ng trách nhi m c a mình. Khi th c hi n ch c n ng, nhi m v hoc th c thi các công vi c theo y quy n c a Công ty, thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, cán b qu n lý, nhân viên hoc là i di n theo y quy n c a Công ty c Công ty b i th ng khi tr thành m t bên liên quan trong các v khi u n i, ki n, kh i t (tr các v ki n do Công ty là ng i kh i ki n) trong các tr ng h p sau:

a. ã hành ng trung th c, c n tr ng, m n cán vì l i ích và không mâu thu n v i l i ích c a Công ty;

b. Tuân th lu t pháp và không có b ng ch ng xác nh n ã không th c hi n trách nhi m c a mình.

3. Chi phí b i th ng bao g m các chi phí phát sinh (k c phí thuê lu t s ), chi phí phán quy t, các kho n ti n ph t, các kho n ph i thanh toán phát sinh trong th c t hoc c coi là m c h p lý khi gi i quy t nh ng v vì c này trong khuôn kh lu t pháp cho phép. Công ty có th mua b o hi m cho nh ng ng i ó tránh nh ng trách nhi m b i th ng nêu trên.

## **XI. QUY N I U T R A S SÁCH VÀ H S CÔNG TY**

### **i u 37. Quy n i u tra s sách và h s**

1. Công hoc nhóm c ông c p t i Kho n 2 i u 24 và Kho n 2 i u 32 i u l này có quy n tr c ti p hoc qua ng i c u quy n, g i v n b n yêu c u c ki m tra danh sách c ông, các biên b n h p i h i ng c ông và sao ch p hoc trích l c các h s ó trong gi làm vi c và t i tr s chính c a công ty. Yêu c u ki m tra do i di n c u quy n c a c ông ph i kèm theo gi y u quy n c a c ông mà ng i ó i di n hoc m t b n sao công ch ng c a gi y u quy n này.

2. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, Giám c (T ng giám c) i u hành và cán b qu n lý khác có quy n ki m tra s ng ký c ông c a Công ty, danh sách c ông và nh ng s sách và h s khác c a Công ty vì nh ng m c ích liên quan t i ch c v c a mình v i i u ki n các thông tin này ph i c b o m t.

3. Công ty ph i l u i u l này và nh ng b n s a i b sung i u l , Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p, các quy ch , các tài li u ch ng minh quy n s h u tài s n, ngh quy t i h i ng c ông và H i ng qu n tr , biên b n h p i h i ng c ông và H i ng qu n tr , các báo cáo c a H i ng qu n tr . các báo cáo c a Ban ki m soát, báo cáo tài chính n m, s sách k

toán và bất cứ gì y tế nào khác theo quy định của pháp luật thì chính họ có mặt thì khác với điều kiện là các công và cơ quan kinh doanh có thông báo và ảnh hưởng tới các gì y tế này.

4. Điều 1 Công ty phải có công bố trên website của công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN**

### **Điều 38. Công nhân viên và công oàn**

1. Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành phải lập kế hoạch Hội đồng quản trị thông qua các văn bản liên quan nhân viên tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bổ nhiệm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

2. Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành phải lập kế hoạch Hội đồng quản trị thông qua các văn bản liên quan nhân quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chương trình, thông lệ và chính sách quản lý nhân sự, nhân sự thông lệ và chính sách quy định điều kiện này, các quy định của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 39. Phân phối lợi nhuận**

1. Hội đồng công quy định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm đối với lợi nhuận của công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quy định hình thức chi trả cổ tức gia hạn xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tín dụng cổ tức hay khoản tín dụng chi trả liên quan tới mặt lợi ích phi lợi nhuận.

4. Hội đồng quản trị có thể quyết định hội đồng công thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng tiền và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quy định này.

5. Trường hợp cổ tức hay khoản tín dụng khác liên quan tới mặt lợi ích phi lợi nhuận của chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên các các thông tin chi tiết về ngân hàng do công cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do công cung cấp mà công có không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tín dụng Công ty chuyển cho công thanh toán. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến

hành thông qua công ty ch ng khoán ho c Trung tâm l u ký ch ng khoán Vi t Nam.

6. C n c Lu t Doanh nghi p, Lu t Ch ng khoán, H i ng qu n tr thông qua ngh quy t xác nh m t ngày c th ch t danh sách c ông. C n c theo ngày ó, nh ng ng i ng ký v i t cách c ông ho c ng i s h u các ch ng khoán khác c quy n nh n c t c, lãi su t, phân ph i l i nhu n, nh n c phi u, nh n thông báo ho c tài li u khác.

7. Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n c th c hi n theo quy nh c a pháp lu t.

## **XIV. TÀI KHO N NGÂN HÀNG, QU D TR , N M TÀI CHÍNH VÀ H TH NG K TOÁN**

### **i u 40. Tài kho n ngân hàng**

1. Công ty m tài kho n t i các ngân hàng Vi t Nam ho c t i các ngân hàng n c ngoài c phép ho t ng t i Vi t Nam.

2. Theo s ch p thu n tr c c a c quan có th m quy n, trong tr ng h p c n thi t, Công ty có th m tài kho n ngân hàng n c ngoài theo các quy nh c a pháp lu t.

3. Công ty ti n hành t t c các kho n thanh toán và giao d ch k toán thông qua các tài kho n ti n Vi t Nam ho c ngo i t t i các ngân hàng mà Công ty m tài kho n.

### **i u 41. N m tài chính**

N m tài chính c a Công ty b t u t ngày u tiên c a tháng 01 hàng n m và k t thúc vào ngày th 31 c a tháng 12 n m tài chính u tiên b t u t ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p và k t thúc vào ngày th 31 c a tháng 120 ngay sau ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p ó.

### **i u 42. Ch k toán**

1. Ch k toán Công ty s d ng là Ch K toán Vi t Nam (VAS) ho c ch k toán khác c B Tài chính ch p thu n.

2. Công ty l p s sách k toán b ng ti ng Vi t. Công ty l u gi h s k toán theo lo i hình c a các ho t ng kinh doanh mà Công ty tham gia. Nh ng h s này ph i chính xác, c p nh t, có h th ng và ph i ch ng minh và gi i trình các giao d ch c a Công ty.

3. Công ty s d ng ng Vi t Nam (ho c ngo i t t do chuy n i trong tr ng h p c c quan nhà n c có th m quy n ch p thu n) làm n v ti n t dùng trong k toán.

## **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

### **Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật về kế toán và các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phân tích kế toán theo quy định tại Điều 45 của Luật này, và trong thời hạn 60 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán công khai thông qua các quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và các quan hệ kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình vốn và lợi của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính..

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho các quan thuế liên quan và các quan hệ kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các thành viên, cá nhân quan tâm sử dụng quyền kiểm tra hoặc sao chép báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giới hạn vì lợi ích của Công ty, thì trừ trách nhiệm của Công ty và phải tự mình chịu phí hợp lý cho việc sao chép.

### **Điều 44. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về kế toán và chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 45. Kiểm toán**

1. Việc kiểm toán thường niên của năm tài chính công ty kiểm toán được lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán được lập và quy định cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những yêu cầu và điều kiện tho thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chịu và

g i báo cáo tài chính n m cho công ty ki m toán c l p sau khi k t thúc n m tài chính.

2. Công ty ki m toán c l p ki m tra, xác nh n và báo cáo v báo cáo tài chính n m ph n ánh các kho n thu chi c a Công ty, l p báo cáo ki m toán và trình báo cáo ó cho H i ng qu n tr trong vòng hai (02) tháng k t ngày k t thúc n m tài chính.

3. B n sao c a báo cáo ki m toán c g i ính kèm báo cáo tài chính n m c a Công ty.

4. Ki m toán viên th c hi n vi c ki m toán Công ty c phép tham d các cu c h p i h i ng c ông và c quy n nh n các thông báo và các thông tin khác liên quan n i h i ng c ông mà các c ông c quy n nh n và c phát bi u ý ki n t i i h i v các v n có liên quan n ki m toán.

## **XVII. CON D U**

### **i u 46. Con d u**

1. H i ng qu n tr quy t nh thông qua con d u chính th c c a Công ty và con d u c kh c theo quy nh c a lu t pháp.

2. H i ng qu n tr, Giám c (T ng giám c) i u hành s d ng và qu n lý con d u theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

## **XVIII. CH M D T H O T NG VÀ THANH LÝ**

### **i u 47. Ch m d t h o t ng**

1. Công ty có th b gi i th h o c ch m d t h o t ng trong nh ng tr ng h p sau:

- a. Khi k t thúc th i h n h o t ng c a Công ty, k c sau khi ã gia h n;
- b. Toà án tuyên b Công ty phá s n theo quy nh c a pháp lu t hi n hành;
- c. Gi i th tr c th i h n theo quy t nh c a i h i ng c ông;
- d. Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t.

2. Vi c gi i th Công ty tr c th i h n (k c th i h n ã gia h n) do i h i ng c ông quy t nh, H i ng qu n tr th c hi n. Quy t nh gi i th này ph i thông báo hay xin ch p thu n c a c quan có th m quy n (n u b t bu c) theo quy nh.

#### **Điều 48. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị quyết định việc gia hạn ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của công ty có thể được quy định vì các gia hạn hoạt động của Công ty theo nghĩa của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động của gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các công ty có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện của họ quy định tại Điều lệ của công ty thông qua.

#### **Điều 49. Thanh lý**

1. Từ thời điểm sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có mặt quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Hội đồng chọn và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chọn từ một công ty kế toán độc lập. Ban thanh lý chịu trách nhiệm các quy định của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể là thành viên trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý của Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho quan chức kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kết thúc nhiệm kỳ, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Nhiệm vụ của các thành viên thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bồi dưỡng cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nợ cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản khác của Công ty;

4. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ nêu trên (a) và (b) trên đây sẽ được phân chia cho các công ty. Các công ty ưu tiên thanh toán trước.

### **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khi xảy ra sự cố liên quan tới hoạt động của Công ty hay tài sản và nghĩa vụ của các công ty theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định như sau:

- a. Công ty của Công ty;

b. Công viên Hội nghị quận, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) đi tuần hành hay cán bộ quản lý cao cấp,

Các bên liên quan có nghĩa vụ quy định tranh chấp có thông qua thẩm định và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội nghị quận hay Chủ tịch Hội nghị quận, Chủ tịch Hội nghị quận chỉ định vị trí quy định tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố liên quan đến tranh chấp trong vòng ... ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội nghị quận hay Chủ tịch Hội nghị quận, bất cứ bên nào có thể yêu cầu ..... chọn một chuyên gia độc lập hành động với cách là trung tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không thực hiện quy định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần thì bất cứ một quá trình hoà giải hoặc quy định của trung gian hoà giải không có các bên chấp nhận, bất cứ bên nào có thể đưa tranh chấp ra Trung tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên chịu chi phí của mình có liên quan tới thẩm định và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. B SUNG VÀ S A I I U L**

### **i u 51. B sung và s a i i u l**

1. Việc bổ sung, sửa đổi điều này phải có sự đồng ý của cả hai bên.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa có quy định trong bản điều này hoặc trong trường hợp có những quy định khác với những điều khoản trong điều này thì những quy định của pháp luật có hiệu lực áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HI U L C**

### **i u 52. Ngày hi u l c**

1. Bản điều này gồm 21 chương 52 điều có hiệu lực có hiệu lực thành lập Công ty cấp cao su Bình Định nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ..... và cùng chấp thuận điều khoản toàn văn của điều này.

2. Điều khoản lập thành một (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước địa phương

b. Năm (05) bản ký tịch quan chính quy định theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố ;

c. Bản (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Mẫu này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục mẫu Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

*H, tên, chữ ký của người đi nhận theo pháp luật hoặc của các công đồng sáng lập hoặc của người đi nhận theo quy định của công đồng sáng lập của Công ty./.*